

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: **25/2026/DS-PT**
Ngày 22-4-2026

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Thắng

Các Thẩm phán: Ông Vũ Hồng Luyến
Bà Vũ Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tín – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai,

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Trần Đình Phi Long - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2025/TLPT-KDTM ngày 24 tháng 12 năm 2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 87/2025/KDTM-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai bị kháng cáo, kháng nghị theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 15/2026/QĐXX-PT ngày 02 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần C.

Địa chỉ: Số A, phường T, quận H, (nay là phường C), thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng của Ngân hàng:

1. Ông Phạm Hồng T – Giám đốc Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh T8.

2. Ông Hoàng Ngọc H – Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh T8.

3. Bà Nguyễn Thị Thu H1 – Phó Phòng phụ trách Phòng KHDN Lớn Chi nhánh T8.

4. Ông Đoàn Thanh T1 – Phó Phòng phụ trách Phòng KHDN Lớn Chi nhánh T8.

5. Ông Nguyễn Hữu T2 – Phó Phòng Tổng hợp Chi nhánh T8.

6. Bà Vũ Thị Phương T3 – Cán bộ Phòng KHDN Lớn Chi nhánh T8

7. Ông Đỗ Hồng T4 – Phó Trưởng Văn phòng Đ tại TP ..

Cùng địa chỉ: Số G H, phường N, Quận A (nay là phường S), thành phố Hồ Chí Minh.

8. Công ty L.

Địa chỉ: Số I, ngõ A phố A, phường P, quận B (nay là phường H), thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền lại của Công ty L:

8.1. Ông Đàm Đức T5, sinh năm 1988.

8.2. Bà Vũ Thị N, sinh năm 1982.

8.3. Ông Ngô Văn T6, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: Tầng G, khu K, số F C, phường D, quận C (nay là phường C), thành phố Hà Nội).

- Bị đơn: Công ty cổ phần T9

Địa chỉ: KCN Biên Hòa I, đường D, phường A, thành phố B (nay là phường T), tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của Công ty:

1. Bà Lê Thị Phương Y, sinh năm 1985.

2. Bà Nguyễn Thị Hoàng T7, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ: 2 H, phường B, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường S, thành phố Hồ Chí Minh).

3. Bà Trần Thị Hoàng S, sinh năm 1985.

Địa chỉ: KCN Biên Hòa I, đường số D, phường A, thành phố B (nay là phường T), tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty cổ phần X.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, thị xã N (nay là thôn T, xã T), tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Hoàng T7 - Chức vụ: Tổng giám đốc.

(Bà T3, ông T5, bà Y, bà S có mặt, còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn – Ngân hàng thương mại cổ phần C, trình bày:

Ngày 05/08/2010, Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh thành phố T8 (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) ký với Công ty cổ phần T9 (sau đây gọi tắt là Công ty) Hợp đồng tín dụng số 10.662002/HĐTD.TDH và các Phụ lục, Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng sau:

Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 10.662002-01/HĐTDBS ngày 24/12/2010 về việc thay đổi lãi suất cho vay;

Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 10.662002-2/HĐTDBS ngày 12/08/2011 về việc thời hạn giải ngân;

Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 10.662002-3/HĐTDBS ngày 14/02/2012 về việc cơ cấu nợ gốc;

Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 10.662002-04/HĐTDBS ngày 09/12/2012 về việc cơ cấu nợ gốc và lãi;

Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 10.662002-05/HĐTDBS ngày 02/01/2014 về việc số tiền cho vay, thời hạn cho vay, phương thức và mục đích sử dụng tiền vay; cơ cấu nợ gốc và lãi; thỏa thuận khác;

Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 10.662002-06/HĐTDBS ngày 07/01/2016 về việc cơ cấu nợ gốc và lãi.

Theo đó, Ngân hàng cho Công ty V số tiền: 493.000.000.000 đồng, thời hạn vay: 15 năm (180 tháng) kể từ ngày 12/09/2007 đến ngày 12/09/2022, mục đích sử dụng tiền vay: Đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị, chi phí mặt bằng, đất đai và các chi phí khác có liên quan đến việc đầu tư Nhà máy nghiền xi măng Công Thanh công suất 1,8 triệu tấn/năm, tại Khu công nghiệp Ô, ấp C, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai (nay là xã Đ, tỉnh Đồng Nai), lãi suất trong hạn: Trong thời gian chưa hoàn chỉnh đầy đủ hồ sơ tài sản đảm bảo, áp dụng lãi suất cho vay = Lãi suất TGTK VND cao nhất của các kỳ hạn 03/06/09/12 tháng trả lãi sau được niêm yết tại Bên A + biên độ 4,8%/năm, lãi suất quá hạn 50% lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo cho khoản vay, Công ty đã thế chấp cho Ngân hàng các món tài sản sau:

1. Nhà máy sản xuất các sản phẩm xi măng, tấm lợp và vật liệu xây dựng tại Đường số D, khu công nghiệp B, tỉnh Đồng Nai có Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình số 470119157 ngày 05/8/2003 do Sở Xây dựng tỉnh Đ cấp ngày 05/8/2003 theo Hợp đồng thế chấp số 06.353001/HĐTC ngày 24/01/2006, được Công chứng tại Phòng C1 tỉnh Đồng Nai ngày 24/01/2006, số công chứng 25, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 13/02/2006 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ, các Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 06.353001-3/HĐTCBS ngày 02/10/2009, số 06.353001-5/HĐTCBS ngày 27/10/2011, số 06.353001-6/HĐTCBS ngày 17/5/2013, số 06.353001-7/HĐTCBS ngày 12/5/2014 giữa Ngân hàng TMCP C – chi nhánh T8 và Công ty Cổ phần T9.

2. Thiết bị và dây chuyền sản xuất xi măng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 06.664002/HĐTC ngày 21/6/2006, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 31/7/2006, các Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 06.664002-5/HĐTCBS ngày 02/10/2009, số 06.664002-5-6/HĐTCBS ngày 02/10/2010, số 06.664002-

7/HĐTCBS ngày 27/10/2011, số 06.664002-8/HĐTCBS 17/5/2013, số 06.664002-9/HĐTCBS ngày 17/5/2014 giữa Ngân hàng TMCP C – chi nhánh T8 và Công ty Cổ phần T9.

3. Mười ba xe ô tô:

- Xe Toyota, biển số 52F-8135 có Giấy đăng ký xe ô tô số 054458 do Công an thành phố H cấp ngày 07/5/2008 cho Chi nhánh Công ty cổ phần T9 tại thành phố Hồ Chí Minh;

- Xe Toyota, biển số 56N-6621 có Giấy đăng ký xe ô tô số 006047 do Công an thành phố H cấp cho Chi nhánh Công ty cổ phần T9 tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 10/11/2009;

- Xe Toyota, biển số 52U-7950 có Giấy đăng ký xe ô tô số 113767 do Công an thành phố H cấp cho Chi nhánh Công ty cổ phần T9 tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 04/6/2009;

- Xe Hyundai, biển số 57L-6410 có Giấy đăng ký xe ô tô số 079748 do Công an thành phố H cấp cho Chi nhánh Công ty cổ phần T9 ngày 26/9/2008;

- Xe Toyota, biển số 52X-4456 có Giấy đăng ký xe ô tô số 058455 do Công an thành phố H cấp cho Chi nhánh Công ty cổ phần T9 ngày 21/5/2008;

- Xe Trans-bahai, biển số 53M-8927 có Giấy đăng ký xe ô tô số A0356790 do Công an thành phố H cấp cho Công ty cổ phần T9 ngày 20/10/2004;

- Xe Hyundai, biển số 57L-5767 có Giấy đăng ký xe ô tô số 071946 do Công an thành phố H cấp cho Chi nhánh Công ty cổ phần T9 ngày 23/7/2008;

- Xe Toyota, biển số 52U-7833 có Giấy đăng ký xe ô tô số 113770 do Công an thành phố H cấp cho Chi nhánh Công ty cổ phần T9 04/6/2009;

- Xe khách, biển số 53L-8767 có Giấy đăng ký xe ô tô số A0060812 do Công an thành phố H cấp cho Chi nhánh Công ty cổ phần T9 ngày 14/5/1998;

- Xe Toyota, biển số 52F-8196 có Giấy đăng ký xe ô tô số 054457 do Công an thành phố H cấp cho Chi nhánh Công ty cổ phần T9 07/5/2008;

- Xe Toyota, biển số 52X-5070 có Giấy đăng ký xe ô tô số A0266234 do Công an thành phố H cấp cho Chi nhánh Công ty cổ phần T9 15/7/2004;

- Xe Deawo, biển số 51R-8805 có Giấy đăng ký xe ô tô số 0006367 do Công an thành phố H cấp cho Chi nhánh Công ty cổ phần T9 28/10/2008;

- Xe Toyota, biển số 50Z-0164 có Giấy đăng ký xe ô tô số 0050528 do Công an thành phố H cấp cho Chi nhánh Công ty cổ phần T9 06/4/2007.

Theo Hợp đồng thế chấp số 10.662003/HĐTC ngày 23/7/2010, các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số: 10.662003-1/HĐTCBS ngày 01/4/2011, số 10.662003-2/HĐTCBS ngày 07/5/2012, số 10.662003-3/HĐTCBS ngày 16/5/2013, số 10.662003-4/HĐTCBS ngày 12/5/2014, số 10.662003-5/HĐTCBS ngày 11/11/2014, số: 10.662003-6/HĐTCBS ngày

10/4/2015, số 10.662003-7/HĐTCBS ngày 04/4/2016, số 10.662003-8/HĐTCBS ngày 08/4/2016, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 13/4/2011.

4. Công trình trên đất hình thành trong tương lai thuộc dự án đầu tư Nhà máy nghiền xi măng Công Thanh tại KCN Ông K, ấp C, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai (nay là cầu cảng thuộc dự án đầu tư Nhà máy nghiền xi măng Công Thanh, tại xã Đ, tỉnh Đồng Nai) theo Hợp đồng thế chấp số 10.662001/HĐTC ngày 05/8/2010; văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số: 10.662001-01/VBSĐBS ngày 24/7/2015.

5. Xe xúc lật bánh lốp hiệu Komatsu WA500, số khung W007-11193, số máy 6D140-1-16010 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 11.662001/HĐTC ngày 08/4/2011, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 13/4/2011; các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 11.662002-1/HĐTCBS ngày 09/10/2012, số 11.662001-2/HĐTCBS ngày 09/10/2013, số 11.662001-3/HĐTCBS ngày 08/11/2014, số 11.662001-4/HĐTCBS ngày 10/5/2015.

6. Tàu khách (Cano chở khách) kiểu Cummins 6BTA 5.9M, 73011411, 315.0 CV có Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 7723/ĐK do Sở Giao thông Vận tải thành phố H cấp ngày 08/10/2010 cho Chi nhánh Công ty cổ phần T9 ngày 08/10/2010 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 11.662002/HĐTC ngày 08/4/2011, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 13/4/2011; các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 11.662002-1/HĐTC ngày 09/10/2012, số 11.662002-2/HĐTC ngày 08/10/2013, số 11.662002-3/HĐTC ngày 08/11/2014, số 11.662002-4/HĐTC ngày 10/4/2015.

7. Tám xe ô tô vận tải gồm:

- Xe tải Hyundai, biển số 51C-069.05, số máy D6CB5107578, số khung 18TP5C005743 có Giấy đăng ký xe ô tô số 016820 do Công an thành phố H cấp cho Chi nhánh Công ty cổ phần T9 tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 20/7/2011;

- Xe tải Hyundai, biển số 51C-059.72, số máy D6CB7138513, số khung 18TP7C019543 có Giấy đăng ký xe ô tô số 012859 do Công an thành phố H cấp cho Chi nhánh Công ty cổ phần T9 tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 24/6/2011;

- Xe tải Hyundai, biển số 51C-059.71, số máy D6CB6123859, số khung 18TP6C012349 có Giấy đăng ký xe ô tô số 012820 do Công an thành phố H cấp cho Chi nhánh Công ty cổ phần T9 tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 14/6/2011;

- Xe tải Hyundai, biển số 51C-064.92, số máy D6CB7139557, số khung 18TP7C020435 có Giấy đăng ký xe ô tô số 016341 do Công an thành phố H cấp cho Chi nhánh Công ty cổ phần T9 tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 08/7/2011;

- Xe tải Hyundai, biển số 51C-069.04, số máy D6CB7139377, số khung 18TP7C020430 có Giấy đăng ký xe ô tô số 016817 do Công an thành phố H cấp cho Chi nhánh Công ty cổ phần T9 tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 20/7/2011;

- Xe tải Hyundai, biển số 51C-064.91, số máy D6CB7139649, số khung 18TP7C020437 có Giấy đăng ký xe ô tô số 016342 do Công an thành phố H cấp cho Chi nhánh Công ty cổ phần T9 tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 08/7/2011;

- Xe tải Hyundai, biển số 51C-100.95, số máy D4DBB466448, số khung 117BPBD000047 có Giấy đăng ký xe ô tô số 028953 do Công an thành phố H cấp cho Chi nhánh Công ty cổ phần T9 tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 11/10/2011;

- Xe tải Hyundai, biển số 51C-100.94, số máy D4DBB466517, số khung 117BPBD000049 có Giấy đăng ký xe ô tô số 028954 do Công an thành phố H cấp cho Chi nhánh Công ty cổ phần T9 tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 11/10/2011.

Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 12.662001/HĐTC ngày 08/11/2012, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản thành phố Hồ Chí Minh ngày 09/11/2012, các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số: 12.662001-1/HĐTCBS ngày 08/11/2013, số 12.662001-2/HĐTCBS ngày 08/11/2014, số 12.662001-3/HĐTCBS ngày 10/4/2015 giữa Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh thành phố T8 với Công ty cổ phần T9.

8. Quyền sử dụng đất thuê thửa đất số 291, tờ bản đồ số 73 (diện tích 150.757,3m²) xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai và toàn bộ tài sản, công trình trên đất thuộc dự án nhà máy X1 - N (có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP016965 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp cho Công ty cổ phần T9 ngày 12/8/2013 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP016969 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp cho Công ty cổ phần T9 ngày 12/8/2013) theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 15.2360048/HĐTCBĐS/NHCT900-DONAC ngày 28/7/2015, được công chứng tại Phòng C1 tỉnh Đồng Nai ngày 28/7/2015, số công chứng 3816, quyền số 07/TP/CC-SCC/HĐGD, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ ngày 09/7/2015.

9. Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng thuê đất số 537HĐ/TĐ ngày 25/9/2022 và các phụ lục hợp đồng, bến sà lan 500 tấn và toàn bộ lợi ích thu được từ việc khai thác bến sà lan 500 tấn, cầu cảng 30.000 tấn và toàn bộ lợi ích thu được từ việc khai thác Cầu cảng 30.000 tấn theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số: 15.2360050/HĐTCQTS ngày 31/7/2015, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 04/8/2015.

10. Dây chuyền đồng bộ sản xuất xi măng đã qua sử dụng (năm đưa vào hoạt động: 2012), xuất xứ Trung Quốc với công suất 1.000.000 tấn /năm (công suất tối đa 1.800.000 tấn/năm), tiêu chuẩn xi măng thành phẩm: PCB40 thuộc dự án Nhà máy X1 tại KCN Ô, xã P, huyện N, Tỉnh Đồng Nai theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 15.2360056/HĐTC ngày 12/8/2015 và phụ lục 1, phụ lục 2 kèm Hợp đồng thế chấp được Văn phòng C2 công chứng ngày 14/8/2015, số công chứng 017473, quyền số 08 TP/CC-SCC/HĐGD, đăng ký giao dịch bảo

đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 17/8/2015.

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty số tiền 493.000.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ năm 2017. Tính đến ngày 30/6/2024, Công ty đã trả cho Ngân hàng số tiền 265.679.342.973 đồng. Trong đó: tiền gốc là 138.912.556.595 đồng, tiền lãi là 126.766.786.378 đồng.

Tạm tính đến ngày 29/9/2025, Công ty còn nợ Ngân hàng số tiền 1.248.272.298.292 đồng. Trong đó: nợ gốc 460.657.270.145 đồng, lãi trong hạn là 657.378.859.460 đồng, lãi quá hạn 130.236.168.687 đồng.

Do Công ty vi phạm nghĩa vụ thanh toán và không có phương án trả nợ, Ngân hàng khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc Công ty trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh tạm tính đến ngày 29/9/2025 như nêu trên.

Đồng thời, kể từ ngày 30/9/2025, Công ty còn phải tiếp tục thanh toán các khoản lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp Công ty không trả được hết nợ thì toàn bộ tài sản thế chấp sẽ được đảm bảo để thi hành án.

Bị đơn - Công ty cổ phần T9, trình bày:

Công ty cổ phần T9 thừa nhận việc ký kết Hợp đồng tín dụng, các Phụ lục, Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng, các hợp đồng thế chấp tài sản, số tiền giải ngân Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh thành phố T8 trình bày là chính xác.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Công ty thừa nhận đến ngày 29/9/2025, Công ty còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 460.657.270.145 đồng.

Về số tiền lãi, Công ty không đồng ý với mức lãi suất mà Ngân hàng đã tính toán tại bảng tính lãi chi tiết vì Ngân hàng đã điều chỉnh lãi suất cho vay nhưng không thông báo bằng văn bản cho Công ty biết. Ngân hàng đã vi phạm điều khoản thỏa thuận về lãi suất theo Hợp đồng tín dụng đã ký nên Công ty không đồng ý với số tiền lãi mà Ngân hàng yêu cầu.

Về nguyên nhân, do trong những năm qua gặp phải rất nhiều khó khăn trong sản xuất, kinh doanh nên doanh thu của Công ty N1 đi xuống, không đủ chi phí, Công ty không còn khả năng thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Công ty cổ phần X:

Công ty được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa làm việc, không tham gia phiên tòa nên không có lời trình bày,

Kết quả giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm:

Tại bản án sơ thẩm số 87/2025/KDTM-ST ngày 30/9/2025, Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C. Buộc Công ty cổ phần T9 trả cho Ngân hàng TMCP C số tiền tính đến ngày 29/9/2025 là 1.248.272.298.292 đồng. Trong đó: gốc 460.657.270.145 đồng, lãi trong hạn là 657.378.859.460 đồng, lãi quá hạn 130.236.168.687 đồng.

Kể từ ngày 30/9/2025, Công ty cổ phần T9 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong.

Các tài sản Công ty cổ phần T9 đã thế chấp cho Ngân hàng sẽ được đảm bảo để thi hành án.

Ngoài ra, án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo luật định.

Việc kháng cáo, kháng nghị đối với bản án sơ thẩm:

Ngày 07/10/2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai có quyết định số 863/QĐKNPT-VKSKV1-KDTM, kháng nghị bản án sơ thẩm. Ngày 09/10/2025, Công ty cổ phần T9 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Nội dung kháng nghị và kháng cáo cho rằng:

Về tiền lãi, khi điều chỉnh lãi suất Ngân hàng không thông báo cho Công ty bằng văn bản hoặc thông báo nhưng không hợp lệ là vi phạm khoản 1 Điều 16 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N2, vi phạm điểm 4 khoản 1 Điều 2 Hợp đồng tín dụng ký kết giữa hai bên nên không có hiệu lực. Theo số liệu của Công ty thì tính đến ngày 29/9/2025, lãi trong hạn cộng dồn là 644.173.249.036đ, lãi phạt cộng dồn là 128.080.083.163đ.

Về tài sản thế chấp, theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 10.662001 ngày 05/8/2010 thì vào thời điểm ký hợp đồng, công trình trên đất (phần cầu cảng) chưa hình thành nên không đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ. Các tài sản thế chấp cũng chưa được Tòa án hoặc Ngân hàng thẩm định giá lại. Do đó hợp đồng thế chấp này vô hiệu.

Viện kiểm sát và Công ty đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chỉ buộc Công ty thanh toán tiền lãi theo số liệu Công ty T10 và không buộc Công ty bàn giao cầu cảng tại KCN Ông K, ấp C, xã P, huyện N cho Ngân hàng để xử lý thanh toán nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đương sự tham gia phiên tòa đảm bảo đúng thủ tục, quyền, nghĩa vụ theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần T9 xây dựng và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đối với kháng cáo, kháng nghị về tiền lãi phát sinh

Kháng cáo, kháng nghị bản án sơ thẩm về vấn đề tiền lãi, Công ty và Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng nai cho rằng: Khi điều chỉnh lãi suất, Ngân hàng không thông báo cho Công ty bằng văn bản hoặc thông báo nhưng không hợp lệ là vi phạm khoản 1 Điều 16 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N2, vi phạm điểm 4 khoản 1 Điều 2 Hợp đồng tín dụng ký kết giữa hai bên nên không có hiệu lực. Theo số liệu của Công ty thì tính đến ngày 29/9/2025, lãi trong hạn cộng dồn là 644.173.249.036đ, lãi phạt cộng dồn là 128.080.083.163đ.

Tuy nhiên, theo quy định tại điểm 2.1.4 Điều 2 của Hợp đồng tín dụng số 10.662002/HĐTD.TDH ngày 05/8/2010 ký kết giữa hai bên thì:

“Trong trường hợp cần thiết, Bên A được chủ động điều chỉnh lãi suất cho vay khi lãi suất thị trường và/hoặc những quy định của Ngân hàng N2 và/hoặc sự thay đổi bất thường của nền kinh tế làm tăng chi phí huy động vốn của Bên A. Bên A sẽ thông báo cho bên B về mức lãi suất thay đổi này bằng văn bản. Văn bản này là văn kiện bổ sung và không tách rời với Hợp đồng tín dụng này”.

Theo quy định này thì Ngân hàng sẽ phải thông báo việc điều chỉnh lãi suất cho Công ty bằng văn bản nhưng đây không phải là điều kiện có hiệu lực của việc điều chỉnh lãi suất.

Ngoài ra, theo chứng cứ, tài liệu mà phía Ngân hàng cung cấp thì kể từ khi Công ty vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng có 02 lần điều chỉnh lãi suất và đã gửi các thông báo cho Công ty. Do đó, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai và kháng cáo của Công ty về vấn đề lãi suất và tiền lãi là không có cơ sở chấp nhận.

[2] Đối với kháng cáo, kháng nghị về tài sản thế chấp

Theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm thì: “Tài sản bảo đảm có thể là tài sản hiện có, tài sản hình thành trong tương lai và được phép giao dịch”.

Về tài sản hình thành trong tương lai, khoản 2 Điều 4 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ nêu rõ: “Tài sản hình thành trong tương lai là tài sản thuộc sở hữu của bên bảo đảm sau thời điểm nghĩa vụ được xác lập hoặc giao dịch bảo đảm được giao kết. Tài sản hình thành trong tương lai bao gồm cả tài sản đã được hình thành tại thời điểm giao kết giao dịch bảo đảm, nhưng sau thời điểm giao kết giao dịch bảo đảm mới thuộc sở hữu của bên bảo đảm”.

Như vậy, tài sản hình thành trong tương lai bao gồm cả chứ không chỉ là những tài sản đã được hình thành tại thời điểm giao kết giao dịch bảo đảm như lập luận của Công ty và Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai. Kháng

cáo, kháng nghị cho rằng hợp đồng thế chấp tài sản số 10.662001 ngày 05/8/2010 vô hiệu vì vào thời điểm ký hợp đồng, công trình trên đất (phần cầu cảng) chưa hình thành là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, Công ty phải chịu 2.000.000 đồng án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự,

Không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai và kháng cáo của Công ty cổ phần T9, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 87/2025/KDTM-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai.

Căn cứ Điều 15, Điều 54 Luật các tổ chức tín dụng năm 1997; Điều 342, Điều 355 Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần C.

Buộc Công ty cổ phần T9 trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần C số tiền tính đến ngày 29/9/2025 là 1.248.272.298.292 đồng (một nghìn hai trăm bốn mươi tám tỷ hai trăm bảy mươi hai triệu hai trăm chín mươi tám nghìn hai trăm chín mươi hai đồng). Trong đó: nợ gốc 460.657.270.145 đồng (bốn trăm sáu mươi tỷ sáu trăm năm bảy triệu hai trăm bảy mươi nghìn một trăm bốn mươi lăm đồng), lãi trong hạn là 657.378.859.460 đồng (sáu trăm năm bảy tỷ ba trăm bảy mươi tám triệu tám trăm năm chín nghìn bốn trăm sáu mươi đồng), lãi quá hạn 130.236.168.687 đồng (một trăm ba mươi tỷ hai trăm ba sáu triệu một trăm sáu mươi tám nghìn sáu trăm tám bảy đồng).

Kể từ ngày 30/9/2025, Công ty cổ phần T9 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần C thì lãi suất mà Công ty cổ phần T9 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần C theo bản án của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần C.

Các tài sản Công ty cổ phần T9 đã thế chấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần C sẽ được bảo đảm thi hành án, gồm:

1. Nhà máy sản xuất các sản phẩm xi măng, tấm lợp và vật liệu xây dựng tại Đường số D, khu công nghiệp B, tỉnh Đồng Nai (có Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình số 470119157 do Sở Xây dựng tỉnh Đ cấp ngày 05/8/2003),

theo Hợp đồng thế chấp số 06.353001/HĐTC ngày 24/01/2006, được Công chứng tại Phòng C1 tỉnh Đồng Nai ngày 24/01/2006, số công chứng 25, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 13/02/2006 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ, các Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 06.353001-3/HĐTCBS ngày 02/10/2009, số 06.353001-5/HĐTCBS ngày 27/10/2011, số 06.353001-6/HĐTCBS ngày 17/5/2013, số 06.353001-7/HĐTCBS ngày 12/5/2014 giữa Ngân hàng TMCP C – chi nhánh T8 và Công ty Cổ phần T9.

2. Thiết bị và dây chuyền sản xuất xi măng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 06.664002/HĐTC ngày 21/6/2006, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 31/7/2006, các Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 06.664002-5/HĐTCBS ngày 02/10/2009, số 06.664002-5-6/HĐTCBS ngày 02/10/2010, số 06.664002-7/HĐTCBS ngày 27/10/2011, số 06.664002-8/HĐTCBS 17/5/2013, số 06.664002-9/HĐTCBS ngày 17/5/2014 giữa Ngân hàng TMCP C – chi nhánh T8 và Công ty Cổ phần T9.

3. Mười ba xe ô tô gồm:

- Xe Toyota, biển số 52F-8135 có Giấy đăng ký xe ô tô số 054458 do Công an thành phố H cấp ngày 07/5/2008 cho Chi nhánh Công ty cổ phần T9 tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Xe Toyota, biển số 56N-6621 có Giấy đăng ký xe ô tô số 006047 do Công an thành phố H cấp cho Chi nhánh Công ty cổ phần T9 tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 10/11/2009.

- Xe Toyota, biển số 52U-7950 có Giấy đăng ký xe ô tô số 113767 do Công an thành phố H cấp cho Chi nhánh Công ty cổ phần T9 tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 04/6/2009.

- Xe Hyundai, biển số 57L-6410 có Giấy đăng ký xe ô tô số 079748 do Công an thành phố H cấp cho Chi nhánh Công ty cổ phần T9 ngày 26/9/2008.

- Xe Toyota, biển số 52X-4456 có Giấy đăng ký xe ô tô số 058455 do Công an thành phố H cấp cho Chi nhánh Công ty cổ phần T9 ngày 21/5/2008.

- Xe Trans-bahai, biển số 53M-8927 có Giấy đăng ký xe ô tô số A0356790 do Công an thành phố H cấp cho Công ty cổ phần T9 ngày 20/10/2004.

- Xe Hyundai, biển số 57L-5767 có Giấy đăng ký xe ô tô số 071946 do Công an thành phố H cấp cho Chi nhánh Công ty cổ phần T9 ngày 23/7/2008.

- Xe Toyota, biển số 52U-7833 có Giấy đăng ký xe ô tô số 113770 do Công an thành phố H cấp cho Chi nhánh Công ty cổ phần T9 04/6/2009.

- Xe khách, biển số 53L-8767 có Giấy đăng ký xe ô tô số A0060812 do Công an thành phố H cấp cho Chi nhánh Công ty cổ phần T9 ngày 14/5/1998.

- Xe Toyota, biển số 52F-8196 có Giấy đăng ký xe ô tô số 054457 do Công an thành phố H cấp cho Chi nhánh Công ty cổ phần T9 07/5/2008.

- Xe Toyota, biển số 52X-5070 có Giấy đăng ký xe ô tô số A0266234 do Công an thành phố H cấp cho Chi nhánh Công ty cổ phần T9 15/7/2004.

- Xe Deawo, biển số 51R-8805 có Giấy đăng ký xe ô tô số 0006367 do Công an thành phố H cấp cho Chi nhánh Công ty cổ phần T9 28/10/2008.

- Xe Toyota, biển số 50Z-0164 có Giấy đăng ký xe ô tô số 0050528 do Công an thành phố H cấp cho Chi nhánh Công ty cổ phần T9 06/4/2007.

Theo Hợp đồng thế chấp số 10.662003/HĐTC ngày 23/7/2010, các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số: 10.662003-1/HĐTCBS ngày 01/4/2011, số 10.662003-2/HĐTCBS ngày 07/5/2012, số 10.662003-3/HĐTCBS ngày 16/5/2013, số 10.662003-4/HĐTCBS ngày 12/5/2014, số 10.662003-5/HĐTCBS ngày 11/11/2014, số: 10.662003-6/HĐTCBS ngày 10/4/2015, số 10.662003-7/HĐTCBS ngày 04/4/2016, số 10.662003-8/HĐTCBS ngày 08/4/2016, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 13/4/2011.

4. Công trình trên đất hình thành trong tương lai thuộc dự án đầu tư Nhà máy nghiền xi măng Công Thanh tại KCN Ông K, ấp C, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai (nay là cầu cảng thuộc dự án đầu tư Nhà máy nghiền xi măng Công Thanh, tại xã Đ, tỉnh Đồng Nai) theo Hợp đồng thế chấp số 10.662001/HĐTC ngày 05/8/2010; văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số: 10.662001-01/VBSĐBS ngày 24/7/2015.

5. Xe xúc lật bánh lốp hiệu Komatsu WA500, số khung W007-11193, số máy 6D140-1-16010 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 11.662001/HĐTC ngày 08/4/2011, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 13/4/2011; các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 11.662002-1/HĐTCBS ngày 09/10/2012, số 11.662001-2/HĐTCBS ngày 09/10/2013, số 11.662001-3/HĐTCBS ngày 08/11/2014, số 11.662001-4/HĐTCBS ngày 10/5/2015.

6. Tàu khách (Cano chở khách) kiểu Cummins 6BTA 5.9M, 73011411, 315.0 CV có Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 7723/ĐK do Sở Giao thông Vận tải thành phố H cấp ngày 08/10/2010 cho Chi nhánh Công ty cổ phần T9 ngày 08/10/2010 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 11.662002/HĐTC ngày 08/4/2011, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 13/4/2011; các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 11.662002-1/HĐTC ngày 09/10/2012, số 11.662002-2/HĐTC ngày 08/10/2013, số 11.662002-3/HĐTC ngày 08/11/2014, số 11.662002-4/HĐTC ngày 10/4/2015.

7. Tám xe ô tô vận tải gồm:

- Xe tải Hyundai, biển số 51C-069.05, số máy D6CB5107578, số khung 18TP5C005743 có Giấy đăng ký xe ô tô số 016820 do Công an thành phố H cấp cho Chi nhánh Công ty cổ phần T9 tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 20/7/2011.

- Xe tải Hyundai, biển số 51C-059.72, số máy D6CB7138513, số khung 18TP7C019543 có Giấy đăng ký xe ô tô số 012859 do Công an thành phố H cấp cho Chi nhánh Công ty cổ phần T9 tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 24/6/2011.

- Xe tải Hyundai, biển số 51C-059.71, số máy D6CB6123859, số khung 18TP6C012349 có Giấy đăng ký xe ô tô số 012820 do Công an thành phố H cấp cho Chi nhánh Công ty cổ phần T9 tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 14/6/2011.

- Xe tải Hyundai, biển số 51C-064.92, số máy D6CB7139557, số khung 18TP7C020435 có Giấy đăng ký xe ô tô số 016341 do Công an thành phố H cấp cho Chi nhánh Công ty cổ phần T9 tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 08/7/2011.

- Xe tải Hyundai, biển số 51C-069.04, số máy D6CB7139377, số khung 18TP7C020430 có Giấy đăng ký xe ô tô số 016817 do Công an thành phố H cấp cho Chi nhánh Công ty cổ phần T9 tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 20/7/2011.

- Xe tải Hyundai, biển số 51C-064.91, số máy D6CB7139649, số khung 18TP7C020437 có Giấy đăng ký xe ô tô số 016342 do Công an thành phố H cấp cho Chi nhánh Công ty cổ phần T9 tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 08/7/2011.

- Xe tải Hyundai, biển số 51C-100.95, số máy D4DBB466448, số khung 117BPBD000047 có Giấy đăng ký xe ô tô số 028953 do Công an thành phố H cấp cho Chi nhánh Công ty cổ phần T9 tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 11/10/2011.

- Xe tải Hyundai, biển số 51C-100.94, số máy D4DBB466517, số khung 117BPBD000049 có Giấy đăng ký xe ô tô số 028954 do Công an thành phố H cấp cho Chi nhánh Công ty cổ phần T9 tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 11/10/2011.

Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 12.662001/HĐTC ngày 08/11/2012, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản thành phố Hồ Chí Minh ngày 09/11/2012, các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số: 12.662001-1/HĐTCBS ngày 08/11/2013, số 12.662001-2/HĐTCBS ngày 08/11/2014, số 12.662001-3/HĐTCBS ngày 10/4/2015 giữa Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh thành phố T8 với Công ty cổ phần T9.

8. Quyền sử dụng đất thuê thửa đất số 291, tờ bản đồ số 73 (diện tích 150.757,3m²) xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai và toàn bộ tài sản, công trình trên đất thuộc dự án nhà máy X1 - N (có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP016965 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp cho Công ty cổ phần T9 ngày 12/8/2013 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP016969 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp cho Công ty cổ phần T9 ngày 12/8/2013) theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 15.2360048/HĐTCBĐS/NHCT900-DONAC ngày 28/7/2015, được công chứng tại Phòng C1 tỉnh Đồng Nai ngày 28/7/2015, số công chứng 3816, quyền số 07/TP/CC-SCC/HĐGD, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ ngày 09/7/2015.

9. Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng thuê đất số 537HĐ/TĐ ngày 25/9/2022 và các phụ lục hợp đồng, bến sà lan 500 tấn và toàn bộ lợi ích thu được từ việc khai thác bến sà lan 500 tấn, cầu cảng 30.000 tấn và toàn bộ lợi ích thu được từ việc khai thác Cầu cảng 30.000 tấn theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số: 15.2360050/HĐTCQTS ngày 31/7/2015, đăng ký giao dịch bảo đảm

tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 04/8/2015.

10. Dây chuyền đồng bộ sản xuất xi măng đã qua sử dụng (năm đưa vào hoạt động: 2012), xuất xứ Trung Quốc với công suất 1.000.000 tấn /năm (công suất tối đa 1.800.000 tấn/năm), tiêu chuẩn xi măng thành phẩm: PCB40 thuộc dự án Nhà máy X1 tại KCN Ô, xã P, huyện N, Tỉnh Đồng Nai theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 15.2360056/HĐTC ngày 12/8/2015 và phụ lục 1, phụ lục 2 kèm Hợp đồng thế chấp được Văn phòng C2 công chứng ngày 14/8/2015, số công chứng 017473, quyển số 08 TP/CC-SCC/HĐGD, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 17/8/2015.

[2] Về chi phí tố tụng: Công ty cổ phần T9 phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần C số tiền 9.500.000 đồng (chín triệu năm trăm nghìn đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

[3] Về án phí:

Công ty cổ phần T9 phải chịu 1.356.272.298 đồng (một tỷ ba trăm năm mươi sáu triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm chín mươi tám đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Trừ vào 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003821 ngày 16/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai, Công ty đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần C số tiền 579.527.000 đồng (năm trăm bảy mươi chín triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002498 ngày 21/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND KV1-Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Phòng THADS KV1-Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Thắng

